

**CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM SHC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỸ PHẨM SHC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHC COSMETICS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SHC COSMETICS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109208221

**3. Ngày thành lập:** 04/06/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 2 Sàn dịch vụ thương mại, văn phòng, Tòa nhà Lidaco - Vinaconex 7, Số 19 Đại  
Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0836.925.222

Fax:

Email: [mypham.shc@gmail.com](mailto:mypham.shc@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng. | 1079        |
| 2.  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                     | 1104        |
| 3.  | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                              | 1410        |
| 4.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                        | 1430        |
| 5.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                     | 1623        |
| 6.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                         | 1702        |
| 7.  | In ấn                                                                                       | 1811        |
| 8.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                    | 1812        |
| 9.  | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                    | 2011        |
| 10. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                         | 2012        |
| 11. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                        | 2013        |
| 12. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong<br>nông nghiệp                  | 2021        |
| 13. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất<br>mực in và ma tít           | 2022        |
| 14. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế<br>phẩm vệ sinh                   | 2023(Chính) |
| 15. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic                        | 2220        |
| 16. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                      | 2029        |
| 17. | Sản xuất sợi nhân tạo                                                                       | 2030        |
| 18. | Bán buôn thực phẩm                                                                          | 4632        |
| 19. | Bán buôn đồ uống                                                                            | 4633        |

|     |                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                  | 4610 |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                  | 4649 |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                      | 4659 |
| 23. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 4669 |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                 | 4711 |
| 25. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                   | 4719 |
| 26. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh    | 4772 |
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                     | 4781 |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ                                                                     | 4789 |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                            | 5510 |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                     | 5610 |
| 31. | Quảng cáo                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 32. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                | 8121 |
| 33. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                            | 8230 |
| 34. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                     | 8292 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                  | 8299 |
| 36. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                    | 8532 |
| 37. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>(doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật) | 9610 |
| 38. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                            | 9631 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM XUÂN ÁI

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/05/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 038064009203

Ngày cấp: 18/03/2020

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Cẩm Hoàng 1, Xã Vĩnh Quang, Huyện Vĩnh Lộc, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 3038 – HH2C – Khu Đô thị Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội